TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P
TỈNH THÁI NGUYÊN

Số: 101/2019/QĐST-HNGĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

P, ngày 16 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 142/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Anh Đỗ Văn B, sinh năm 1979

Địa chỉ: Xóm D, xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Chị Dương Thị N, sinh năm 1987

Địa chỉ: Xóm T, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55 và 57 của Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 6; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 8 năm 2019,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 8 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: anh Đỗ Văn B và chị Dương Thị N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Văn B và chị Dương Thị N.nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Không có.

2.3. Về tài sản chung: Anh B, chị N xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về công nợ chung: Anh B, chị N đều xác định vợ chồng không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Án phí ly hôn sơ thẩm: Hai bên đương sự đều nhất trí việc anh B tự nguyện nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước, anh B đề nghị được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp và được hoàn trả lại khoản tiền tạm ứng án phí 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000861 ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện P;
- UBND xã B;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Minh Lý